

Bản án số: 11/2023/HS-ST
Ngày: 02 - 3 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Hạnh.

2. Ông Bùi Sỹ Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02/3/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 56/2022/TLST-HS ngày 23/12/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS ngày 02/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2023/HSST-QĐ ngày 20/02/2023 đối với các bị cáo:

1. Đào Yến N (Tên gọi khác: N Chín Tùng) sinh ngày 03/6/1994 tại Gia Lai; nơi thường trú: 12 Đ, Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Hồng T và bà Nguyễn Thị Cẩm H; tiền án: (Tại bản án số 06/2019/HS-ST ngày 20/3/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xử phạt 02 năm 04 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, đến ngày 30/01/2021 chấp hành xong hình phạt tù); tiền sự: Không; nhân thân: (Ngày 18/5/2009, bị Công an phường T, thị xã A xử phạt hành chính cảnh cáo về hành vi “Đánh nhau”. Ngày 18/01/2013, bị Công an phường A, thị xã A xử phạt hành chính số tiền 750.000đ về hành vi “Đánh nhau”. Ngày 22/5/2017, bị Công an huyện K, tỉnh Gia Lai xử phạt hành chính số tiền 500.000đ về hành vi “Đánh nhau”; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2022, đến ngày 06/7/2022 tạm giam cho đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Trường V (Tên gọi khác: N) sinh ngày 10/12/1987 tại Gia Lai; nơi thường trú: Tổ M4, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: 154B N, Tổ M5, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam;

con ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị T; có vợ Trương Thị Thùy Tr (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: (Ngày 10/02/2022, bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000đ về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa chấp hành xong); nhân thân: Ngày 01/11/2010, bị Công an thị xã A xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2022, đến ngày 06/7/2022 tạm giam cho đến nay; có mặt.

3. Trần Văn K (Tên gọi khác: C) sinh ngày 30/4/1993 tại Gia Lai; nơi thường trú: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Phan Thị X; có vợ Đoàn Thị Mỹ C và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 27/6/2022, đến ngày 06/7/2022 tạm giam cho đến nay; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Thị Th, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Trần Văn S, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ B, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1. Đỗ Minh T, sinh năm 1968; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Đào Hồng Th, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Hồ Văn P, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ M5, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 26/6/2022, Trần Văn K đến nhà Nguyễn Trường V ở Tổ M5, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai nhậu cùng V. Đến 00 giờ 30 phút ngày 27/6/2022, K nói đau đầu, V nói có tiền mua ma túy sử dụng là hết đau đầu. K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81H1-113.65 của K về nhà lấy 500.000đ rồi chạy qua nhà đưa cho V. Vào lúc 00 giờ 38 phút ngày 27/6/2022, V dùng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone của V nhắn tin vào điện thoại di động nhãn hiệu Iphone cho Đào Yến N (qua mạng xã hội Zalo) hỏi mua 300.000đ tiền ma túy đá. N đồng ý và hẹn V đến nhà N ở số 12 Đ, Tổ B, phường T, thị xã A lấy ma túy. V nói K chở V đến nhà N, K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 81H1-113xx chở V đến nhà N. Đến nơi, V cầm 500.000đ đi vào nhà gặp N, còn K đứng ngoài (cách cửa nhà trước cửa nhà N khoảng 04 mét). V đi đến cửa nhà trước, N mở cửa, V đưa N một tờ tiền mệnh giá 500.000đ, N đưa cho V 01 gói nilon bên trong có ma túy đá, K đứng gần nên thấy toàn bộ việc mua bán ma túy

giữa V và N. N không có tiền trả lại nên N nói để chuyển khoản qua trả cho V thì V đồng ý và cầm gói ma túy quay lại vị trí K đang đứng thì thấy lực lượng Công an phường T, thị xã A tuần tra. Thấy vậy, V lên xe mô tô K chở chạy về nhà số 154B N, Tổ M5, phường A, thị xã A. Lúc này, Công an phường T, thị xã A phát hiện V và K có dấu hiệu nghi vấn nên đuổi theo, kiểm tra hành chính V và K thì phát hiện trong người V có 01 gói nilon, V và K khai là ma túy. Công an phường T đã tiến hành bắt quả tang V và K về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tang vật thu giữ đối với V và K gồm: Một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn theo quy định ghi ký hiệu “01”; một điện thoại di động hiệu Samsung A30, số Imel: 358544102585325 (của Trần Văn K); một điện thoại di động hiệu Iphone, bị vỡ màn hình, số Imel: 355349085190014, sim số 0968.871.2xx (của Nguyễn Trường V); một xe mô tô hiệu Liberty, màu trắng, biển kiểm soát 81H1-113.xx.

Sau khi V mua ma túy xong, N đã chuyển số tiền 200.000đ từ tài khoản ngân hàng Vietcombank của N vào tài khoản ngân hàng BIDV của Nguyễn Trường V để trả lại số tiền thừa cho V. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Yến N tại số nhà 12 Đ, Tổ B, phường T, thị xã A. Tang vật thu giữ tại nơi ở của Đào Yến N gồm: Một gói nilon (đã biến dạng) bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn theo quy định ghi ký hiệu “02”; hai gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn theo quy định ghi ký hiệu “03”; một điện thoại di động hiệu Iphone.

Tại Kết luận giám định số: 449/KL-KTHS ngày 05/7/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai kết luận:

1. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (Một) gói nilon trong bì thư, ghi “01” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,3837 gam.

2. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 01 (Một) gói nilon trong bì thư, ghi “02” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,0329 gam.

3. Chất màu trắng dạng tinh thể trong 02 (Hai) gói nilon trong bì thư, ghi “03” niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, tổng khối lượng 0,1577 gam.

Sau khi tiến hành giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai hoàn trả lại các vật chứng sau:

- 0,3491 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon thuộc bì thư ghi “01” cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Mặt trước ghi “01”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng dấu tròn của Phòng Kỹ

thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh Gia Lai * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Phan Xuân H, Vũ Duy Ng và Bùi Sĩ T.

- 0,0329 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 01 gói nilon thuộc bì thư ghi “02” cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Mặt trước ghi “02”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh Gia Lai * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Phan Xuân H, Vũ Duy Ng và Bùi Sĩ T.

- 0,1168 gam chất màu trắng dạng tinh thể (loại Methamphetamine) trong 02 gói nilon thuộc bì thư ghi “03” cùng vỏ bao gói. Tất cả được niêm phong trong bì công văn của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, có đặc điểm: Mặt trước ghi “03”, tại mép dán mặt sau bì công văn có đóng dấu tròn của Phòng Kỹ thuật hình sự, nội dung “Công an tỉnh Gia Lai * Phòng Kỹ thuật hình sự” và các chữ ký, chữ viết của các ông: Phan Xuân H, Vũ Duy Ng và Bùi Sĩ T.

Về nguồn gốc số ma túy N bán cho V và thu giữ tại nhà của N, quá trình điều tra xác định: Vào ngày 24/6/2022, N đón xe lên thành phố P, tỉnh Gia Lai chơi. Tại khu vực ngã tư trước khách sạn Hoàng Anh Gia Lai, N dùng số điện thoại của N (số 03294909xx) gọi cho một thanh niên (N không nhớ số và không biết nhân thân lai lịch) hỏi mua 500.000đ ma túy. N cất giấu vào túi quần và đem về nhà tại số 12 Đ, Tổ B, phường T, thị xã A, cất giấu trong phòng ngủ của N. Sau đó, N dùng để bán cho V, số còn lại cất giấu để sử dụng thì bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã A kiểm tra, phát hiện thu giữ ma túy. Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã tiến hành điều tra, xác minh nhưng không xác định được đối tượng bán ma túy cho N nên sẽ tiếp tục điều tra xác minh, khi nào xác minh được nhân thân, lai lịch sẽ xử lý sau.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định, xe mô tô biển kiểm soát 81H1-113.xx là của ông Trần Văn S (cha đẻ của Trần Văn K). Ngày 27/6/2022, Trần Văn K sử dụng xe mô tô 81H1-113.xx đi mua ma túy thì ông S không biết nên Cơ quan CSĐT Công an thị xã A đã trả lại xe mô tô 81H1-113.65 cho ông Trần Văn S.

Tại Bản cáo trạng số: 05/CT-VKS ngày 22/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Đào Yến N về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đào Yến N phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”; tuyên bố các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 251, Điều 38, điểm s khoản Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị

cáo Đào Yến N. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Yến N từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và xử phạt 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K. Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, xử phạt bị cáo Trần Văn K từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy các vật chứng gồm: Một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “01”; một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “02”; hai gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “03”; 01 sim số 0968.871.2xx.

+ Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Samsung A30, Imel: 358544102585325 của Trần Văn K; một điện thoại di động hiệu Iphone, bị vỡ màn hình, số Imel: 355349085190014 của Nguyễn Trường V; 01 điện thoại di động hiệu Iphone (máy không mở được) của Đào Yến N.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ do phạm tội mà có. Buộc bị cáo Đào Yến N phải nộp số tiền 300.000đ.

Về án phí: Đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 27/6/2022, Nguyễn Trường V và Trần Văn K cùng nhau bàn bạc mua ma túy về sử dụng, K đưa cho V 500.000đ để V liên lạc với Đào Yến N mua ma túy. V dùng điện thoại nhắn tin cho N đề hỏi mua ma túy, N đồng ý và hẹn V đến nhà N để lấy ma túy. Sau đó, K dùng xe mô tô biển kiểm soát 81H1-113.xx chở V đến nhà N ở số 12 Đ, Tổ B, phường T, thị xã A mua 01 gói ma túy (loại Methamphetamine) có khối lượng 0,3837 gam với số tiền 300.000đ, đem về nhà

V tại số 154B N, Tổ M5, phường A, thị xã A, chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật vụ án. Ngay sau đó, Cơ quan CSĐT Công an thị xã A tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đào Yến N thu giữ 03 gói ma túy (loại Methamphetamine) có tổng khối lượng 0,1906 gam, N cất giấu trong nhà để sử dụng. Hành vi bán ma túy (loại Methamphetamine) có khối lượng 0,3837 gam cho V và K của Đào Yến N phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và hành vi tàng trữ 0,1906 gam ma túy (loại Methamphetamine) để sử dụng của N đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Trường V và Trần Văn K tàng trữ 0,3837 gam ma túy (loại Methamphetamine) để sử dụng đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo V và K không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo N đã bị kết án, chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đối với bị cáo Đào Yến N tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải. Vì vậy, cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo V, K và N.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Các bị cáo Đào Yến N, Nguyễn Trường V và Trần Văn K là người có năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm. Tuy nhiên, các bị cáo vẫn bất chấp quy định của pháp luật thực hiện hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy loại Methamphetamine. Căn cứ mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7] Về vật chứng:

[7.1] Đối với: Một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “01”; một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “02”; hai gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được

niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “03”; 01 sim số 0968.871.2xx. Xét thấy, cần tịch thu tiêu hủy.

[7.2] Đối với: Một điện thoại di động hiệu Samsung A30, Imel: 358544102585325 của Trần Văn K; một điện thoại di động hiệu Iphone, bị vỡ màn hình, số Imel: 355349085190014 của Nguyễn Trường V; 01 điện thoại di động hiệu Iphone (máy không mở được) của Đào Yến N. Xét thấy, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[8] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ do phạm tội mà có. Buộc bị cáo Đào Yến N phải nộp số tiền 300.000đ.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, khoản 1 Điều 299, khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 251; các Điều 38, Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Yến N.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; các Điều 38, Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Đào Yến N phạm các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy”. Các bị cáo Nguyễn Trường V và Trần Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Đào Yến N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đào Yến N phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 27/6/2022).

2.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trường V 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 27/6/2022).

2.3. Xử phạt bị cáo Trần Văn Kim 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (ngày 27/6/2022).

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “01”; một gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “02”; hai gói nilon bên trong có chứa chất màu trắng dạng tinh thể, được niêm phong trong bì công văn ghi ký hiệu “03”; 01 sim số 0968.871.2xx.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Một điện thoại di động hiệu Samsung A30, Imel: 358544102585325 của Trần Văn K; một điện thoại di động hiệu Iphone, bị vỡ màn hình, số Imel: 355349085190014 của Nguyễn Trường V; 01 điện thoại di động hiệu Iphone (máy không mở được) của Đào Yến N.

(Các vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, đặc điểm, số lượng, chủng loại theo như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/12/2022 giữa Cơ quan CSĐT Công an thị xã A và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A).

4. Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ do phạm tội mà có. Buộc bị cáo Đào Yến N phải nộp số tiền 300.000đ.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo Đào Yến N, Nguyễn Trường V và Trần Văn K, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (02/3/2023), các bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với người vắng mặt tại phiên tòa được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã An Khê;
- Công an thị xã An Khê;
- Chi cục THADS thị xã An Khê;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Ánh Đông